

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2019.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghè

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Quyền Ch - sinh năm 1988, có mặt.

Nơi cư trú: ấp Th, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh T - sinh năm 1983. Có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp Th, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Quyền Ch như sau: Chị kết hôn với chồng là anh Trần Minh T vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/3/2010.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện cự cãi và

còn đánh chị. Mặc dù chị và gia đình khuyên can nhiều lần, anh T cũng hứa thay đổi nhưng không khắc phục được từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân. Thời gian sống ly thân anh T không quan tâm đến chị và các con. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Minh T.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh chị có 02 đứa con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 26/02/2010 và Trần Minh Q, sinh ngày 21/7/2011.

Anh chị không có tài sản chung.

Anh chị không có nợ chung.

Nguyên vọng: Về hôn nhân chị Ch cương quyết được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 26/02/2010 và Trần Minh Q, sinh ngày 21/7/2011 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T trình bày: Anh hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị Ch về thời gian kết hôn và chung sống của vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên theo anh T thì vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn để ly hôn.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Quyền Ch vì anh còn thương vợ thương con, muốn hàn gắn gia đình.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 26/02/2010 và Trần Minh Q, sinh ngày 21/7/2011 và không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Quyền Ch vẫn cương quyết ly hôn với anh Trần Minh T, chị trình bày thêm nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi, anh T thường xuyên nhậu nhẹt chơi bời không lo cho gia đình mà còn nhiều lần đánh chị, mặc dù chị đã cho nhiều cơ hội để thay đổi nhưng anh không sửa đổi. Từ lúc vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay anh T không quan tâm gì đến mẹ con chị. Anh T xin Tòa án cho thời gian để vợ chồng tự hàn gắn nhưng bản thân anh T vẫn không thể thay đổi nên vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng;

Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của chị Lê Thị Quyền Ch và anh Trần Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Minh T là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Quyền Ch và anh Trần Minh T kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25/2010, ngày 30 tháng 3 năm 2010, như vậy hôn nhân của chị Ch và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Ch và anh T là hôn nhân tự nguyện nhưng sau một thời gian sống chung thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, chị Ch cho rằng vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm lo lắng gia đình mà chỉ suốt ngày nhậu nhẹt chơi bời và nhiều lần đánh chị Ch. Ngày 14/3/2019 Tòa án đã hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng chị Ch cương quyết xin ly hôn với anh T. Tòa án đã cho vợ chồng anh chị thời gian để vợ chồng anh chị tự dàn xếp và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ch là có căn cứ nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch đối với anh T.

[4]. Về con chung: Chị Ch và anh T có 02 người con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 26/02/2010 và Trần Minh Q, sinh ngày 21/7/2011 hiện hai cháu vẫn đang sống chung với chị Ch. Chị Ch và anh T đều xin được quyền nuôi con. Xét về

điều kiện nuôi con, hiện nay anh T đã không còn sống chung với hai con và trong thời gian ly thân anh cũng không quan tâm chăm sóc con chung, hiện nay nghề nghiệp và chỗ ở của anh không ổn định nên không có điều kiện tốt để chăm sóc hai con. Cả hai cháu D và Q tại biên bản ghi nhận ý kiến và tại phiên tòa đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên không thể giao cháu D và cháu Q cho anh T nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Ch.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ch không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Chị Ch và anh T đều khai anh chị không có tài sản chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Chị Ch và anh T đều khai anh chị không có nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chị Lê Thị Quyền Ch phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000974, ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Ch đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Quyền Ch.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Quyền Ch được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Giao hai cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 26/02/2010 và Trần Minh Q, sinh ngày 21/7/2011 cho chị Ch được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Anh chị có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Quyền Ch phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000974, ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghê